

VITEA
Vietnam Tourism Education Association

Thầy Ngô Anh

Thầy Nguyễn Tân Trung



Vibrant
HO CHI MINH CITY
HCMC DEPARTMENT OF TOURISM

HỘI THẢO KHOA HỌC

PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC DU LỊCH VIỆT NAM
CHẤT LƯỢNG CAO ĐÁP ỨNG NHU CẦU XÃ HỘI
TRONG THỜI KỲ HỘI NHẬP ASEAN

TP. Hồ Chí Minh - 2016

MỤC LỤC

BÁO CÁO ĐỀ DẪN HỘI THẢO: PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC DU LỊCH CHẤT LƯỢNG CAO ĐÁP ỨNG NHU CẦU XÃ HỘI TRONG THỜI KỲ HỘI NHẬP ASEAN.....	5
MỘT SỐ BÀN LUẬN VỀ ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP ĐỐI VỚI ĐÀO TẠO NGUỒN NHÂN LỰC DU LỊCH CHẤT LƯỢNG CAO TRONG BỐI CẢNH HIỆN NAY	10
PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC DU LỊCH CÓ CHẤT LƯỢNG ĐÁP ỨNG NHU CẦU HỘI NHẬP ASEAN	18
ĐÀO TẠO THEO TIÊU CHUẨN VTOS - GIẢI PHÁP ĐÀO TẠO NGUỒN NHÂN LỰC DU LỊCH CHẤT LƯỢNG CAO ĐÁP ỨNG YÊU CẦU XÃ HỘI VÀ HỘI NHẬP QUỐC TẾ	27
GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO NGUỒN NHÂN LỰC DU LỊCH TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TRONG THỜI KỲ HỘI NHẬP ASEA.....	40
ĐÀO TẠO VÀ XÂY DỰNG NGUỒN NHÂN LỰC DU LỊCH CHẤT LƯỢNG CAO TRONG BỐI CẢNH HỘI NHẬP	48
LIÊN KẾT NHÀ TRƯỜNG – NHÀ DOANH NGHIỆP CHẶT CHẼ HƠN ĐỂ ĐẨY MẠNH PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC DU LỊCH ĐỦ NĂNG LỰC HỘI NHẬP DU LỊCH ASEAN VÀ THẾ GIỚI	58
NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO ĐÁP ỨNG NHU CẦU NGUỒN NHÂN LỰC NGÀNH DU LỊCH TRONG XU THẾ HỘI NHẬP	68
ĐÀO TẠO NGUỒN NHÂN LỰC DU LỊCH TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TRONG XU THẾ HỘI NHẬP CỘNG ĐỒNG KINH TẾ ASEAN	78
ĐÀO TẠO NGUỒN NHÂN LỰC NGÀNH DU LỊCH ĐÁP ỨNG YÊU CẦU HỘI NHẬP CỘNG ĐỒNG KINH TẾ ASEAN	84
ĐÀO TẠO NHÂN LỰC QUẢN TRỊ DU LỊCH CẤP CAO	91
ĐÀO TẠO NGUỒN NHÂN LỰC DU LỊCH CHẤT LƯỢNG CAO VẤN ĐỀ CẦN THẢO LUẬN	95

ĐÀO TẠO PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC DU LỊCH TRONG THỜI KỲ HỘI NHẬP KINH TẾ	186
PHÁT TRIỂN NHÂN LỰC CHẤT LƯỢNG CAO TẠI CÁC DOANH NGHIỆP LỮ HÀNH VÙNG DUYÊN HẢI BẮC BỘ ĐÁP ỨNG NHU CẦU HỘI NHẬP ASEAN.....	195
THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP ĐÀO TẠO NGUỒN NHÂN LỰC DU LỊCH CHẤT LƯỢNG CAO TẠI TRƯỜNG CAO ĐẲNG BÌNH ĐỊNH	203
THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP ĐÀO TẠO GẮN VỚI NHU CẦU DOANH NGHIỆP CỦA CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH KHÁCH SẠN NHÀ HÀNG TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHÁNH HÒA	214
“SUY NGẪM VỀ ĐÀO TẠO NHÂN LỰC CHẤT LƯỢNG CAO Ở VIỆT NAM” - KINH NGHIỆM QUÝ BÁU TỪ CÁC NƯỚC ASEAN... ..	224
THỰC TRẠNG ĐÀO TẠO NGUỒN NHÂN LỰC CHẤT LƯỢNG CAO TẠI CÁC CƠ SỞ ĐÀO TẠO DU LỊCH HỆ CAO ĐẲNG	233
GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC DU LỊCH CHẤT LƯỢNG CAO TẠI KHÁNH HOÀ	238
THỰC TRẠNG ĐÀO TẠO VÀ PHÁT TRIỂN NHÂN LỰC CHẤT LƯỢNG CAO TẠI CÁC KHÁCH SẠN 4 SAO Ở TP. CẦN THƠ.....	243
PHÁT TRIỂN KỸ NĂNG MỀM CHO SINH VIÊN DU LỊCH TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHÁNH HÒA – ĐÁP ỨNG NHU CẦU XÃ HỘI	253
* NHU CẦU ĐÀO TẠO HƯỚNG DẪN VIÊN DU LỊCH SINH THÁI Ở CÁC VƯỜN QUỐC GIA, KHU BẢO TỒN THIÊN NHIÊN VIỆT NAM THỜI KỲ HỘI NHẬP.....	265
_Toc468892743 VỐN TÂM LÝ VÀ KỸ NĂNG THIẾT YẾU CỦA THỂ KỶ 21: MÔ HÌNH CHO SỰ SÁNG TẠO CỦA NHÂN VIÊN DU LỊCH	277
GẮN KẾT GIỮA NHÀ TRƯỜNG VÀ DOANH NGHIỆP “ PHẢI CHĂNG CẦN SỰ QUYẾT TÂM CAO”	289

NHU CẦU ĐÀO TẠO HƯỚNG DẪN VIÊN DU LỊCH SINH THÁI Ở CÁC VƯỜN QUỐC GIA, KHU BẢO TỒN THIÊN NHIÊN VIỆT NAM THỜI KỲ HỘI NHẬP

TS. Ngô An
ThS. Nguyễn Tấn Trung
Khoa Du lịch- ĐH Văn Hiến

TÓM TẮT

Việt Nam có khoảng 156 khu rừng đặc dụng (Forest Special Use), bao gồm vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên, khu bảo tồn loài và khu bảo vệ cảnh quan. Hiện nay, trong hệ thống rừng đặc dụng này, nhiều tài nguyên đang được khai thác, sử dụng để phục vụ phát triển du lịch sinh thái (DLST). Theo các đánh giá của các nhà nghiên cứu về DLST ở Việt Nam, sự phát triển DLST hiện còn chưa tương xứng với tiềm năng. Một trong số các nguyên nhân đó là thiếu hụt nguồn nhân lực có chuyên môn và chuyên nghiệp, mà nổi bật là hướng dẫn viên du lịch sinh thái. Bài viết này, qua kinh nghiệm thực tiễn và tham khảo các tài liệu có liên quan, nhóm tác giả mạnh dạn đưa ra một số ý kiến về nhu cầu hướng dẫn viên du lịch sinh thái và một số giải pháp liên quan đến đào tạo nhằm góp phần đẩy mạnh việc phát triển du lịch sinh thái ở các khu rừng đặc dụng Việt Nam.

Từ khoá: Du lịch sinh thái, Vườn quốc gia, Khu bảo tồn thiên nhiên, Hướng dẫn viên du lịch.

ĐẶT VẤN ĐỀ

Tính đến năm 2013, cả nước đã có 156 khu rừng đặc dụng trong đó có 30 vườn quốc gia (VQG), 59 khu bảo tồn thiên nhiên (BTTN), 13 khu bảo tồn loài và 54 khu bảo vệ cảnh quan (rừng văn hóa - lịch sử - môi trường) với tổng diện tích là 2.092.466 ha [10, tr.3].

Nét đặc trưng của hệ thống các khu rừng đặc dụng là phong phú các hệ sinh thái rừng nhiệt đới, nơi lưu trữ các nguồn gen quý của đất nước, cùng với sự đa dạng tài nguyên du lịch với nhiều cảnh quan đặc sắc, các hệ sinh thái điển hình, nền văn hóa bản địa đa dạng, giàu bản sắc văn hoá dân tộc, có tiềm năng rất lớn về du lịch nói chung và du lịch sinh thái (DLST) nói riêng, phân bố ở khắp đất nước từ Nam ra Bắc, từ đất liền tới các hải đảo.

Hiện nay, trong hệ thống rừng đặc dụng này, nhiều tài nguyên đang được khai thác, sử dụng để phục vụ phát triển DLST ở nhiều mức độ khác nhau. Tiêu biểu là VQG Cúc Phương (Ninh Bình, Hoà Bình, Thanh Hoá), VQG Cát Bà (Đảo Cát Bà), VQG YokDon (Dak Lak), VQG Cát Tiên (Đồng Nai, Lâm Đồng), VQG Tràm Chim (Đồng Tháp), VQG Bi Đúp-Núi Bà (Lâm Đồng), VQG Bạch Mã (Thừa Thiên -Huế), VQG Phong Nha -Kẻ Bàng (Quảng Bình),...

Ở các vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên, tổ chức hoạt động DLST tập trung ở Trung tâm Giáo dục và Dịch vụ môi trường rừng, một đơn vị sự nghiệp hành chính có thu, trực thuộc Ban giám đốc với chức năng tổ chức hoạt động du lịch sinh thái và

giáo dục môi trường, kinh doanh một số dịch vụ khác theo quy chế hoạt động của Trung tâm.

Theo Quy chế Quản lý các hoạt động du lịch sinh thái tại các Vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên (Ban hành kèm theo Quyết định số 104/2007/QĐ-BNN, ngày 27/12/2007 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn), Vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên có hoạt động du lịch sinh thái có trách nhiệm bố trí cán bộ chuyên trách làm công tác hướng dẫn viên, thuyết minh du lịch sinh thái. Thực tế, hướng dẫn viên ở các VQG, khu BTTN thường là các cán bộ kiêm nhiệm vừa làm công tác quản lý rừng vừa làm công tác hướng dẫn viên, thuyết minh viên với số lượng rất ít, chưa được đào tạo nghiệp vụ và số lượng không ổn định tùy theo yêu cầu của khách du lịch và có tính mùa vụ.

Theo các đánh giá của các nhà nghiên cứu về DLST ở Việt Nam, sự phát triển DLST ở các VQG, khu BTTN hiện còn chưa tương xứng với tiềm năng. Một trong số các nguyên nhân đó là thiếu hụt nguồn nhân lực có chuyên môn và chuyên nghiệp, mà nổi bật là hướng dẫn viên du lịch sinh thái. Đây là vấn đề chưa được quan tâm nghiên cứu, giải quyết của các bên có liên quan từ trước đến nay.

Do đó, việc đánh giá thực trạng hướng dẫn viên du lịch sinh thái ở các VQG, khu BTTN làm cơ sở để đề xuất các giải pháp đào tạo hướng dẫn viên du lịch sinh thái là rất cần thiết nhằm góp phần đẩy mạnh việc phát triển du lịch sinh thái ở các khu rừng đặc dụng Việt Nam trong thời kỳ hội nhập với tiềm năng thị trường khách DLST ở nước ngoài là rất lớn.

1) Hiện trạng phát triển du lịch sinh thái ở các VQG, khu BTTN, các cơ hội và thách thức.

Du lịch sinh thái là loại hình du lịch dựa vào thiên nhiên, có trách nhiệm, hỗ trợ cho các mục tiêu bảo tồn các hệ sinh thái, môi trường tự nhiên, các giá trị văn hóa bản địa, phát triển cộng đồng, đồng thời đem lại những nguồn lợi kinh tế to lớn, góp phần tích cực vào sự phát triển du lịch nói riêng và phát triển kinh tế - xã hội nói chung. Loại hình du lịch này đã và đang phát triển nhanh chóng trên phạm vi toàn cầu và ngày càng được quan tâm ở nhiều quốc gia, nhiều tổ chức quốc tế.

Theo Phạm Trung Lương (2002), Du lịch thiên nhiên ở các nước phát triển là một ngành kinh doanh sinh lợi, nhiều triển vọng. Chỉ tính riêng hệ thống vườn quốc gia của Mỹ hằng năm đón khoảng 270 triệu lượt khách, ở Canada khoảng 30 triệu khách với doanh thu hàng chục tỷ USD. Đối với nhiều nước đang phát triển, DLST đóng vai trò quan trọng trong việc thu ngoại tệ. Ở vùng Đông Nam Á, kinh tế du lịch thu hút được khoảng 17 triệu lao động trong vùng (chiếm khoảng 7,9% tổng lao động trong ngành du lịch của thế giới) và chiếm 9,9% trong tổng số lao động trong các ngành nghề. Du lịch tạo ra 10% tổng sản phẩm xã hội và 9% GDP trong vùng [8, tr.3].

Nằm ở vùng nhiệt đới, nơi có nhiều cảnh quan đặc sắc và các hệ sinh thái điển hình, với nền văn hóa đa dạng, giàu bản sắc văn hoá dân tộc, Việt Nam có tiềm năng rất lớn về du lịch nói chung và DLST nói riêng. Hiện nay, nhiều tài nguyên du lịch tự nhiên như các bãi biển, các VQG, các khu bảo tồn thiên nhiên, khu di tích lịch sử văn

hóa,... và tài nguyên du lịch văn hóa bản địa đang được khai thác, sử dụng để phục vụ phát triển du lịch sinh thái.

Một số nhóm hoạt động du lịch theo hướng DLST tiêu biểu đã được tổ chức và bước đầu mang màu sắc của du lịch sinh thái ở các VQG, khu BTTN, có thể nêu ra như sau:

- *Tham quan, nghiên cứu rừng nguyên sinh*: Hiện nay, đây là loại hình du lịch sinh thái phổ biến thu hút chủ yếu các nhà khoa học nghiên cứu các khu rừng còn tương đối nguyên vẹn hiện có tại khu vực. Ngoài ra, trong các tour du lịch, các khách du lịch với nhiều mục đích khác nhau cũng đều có thể tham gia loại hình này.

- *Săn bắt, câu cá, xem cá và sinh vật biển*: Các hoạt động săn bắt thường được thực hiện tại các khu vực khoanh vùng dành riêng cho các hoạt động này. Các địa điểm phục vụ hoạt động câu cá, xem cá và sinh vật biển mới được mở nhiều trong thời gian gần đây phục vụ số lượng đông đảo khách du lịch.

Ngoài ra, còn nhiều loại hình du lịch khác mang một số nét của du lịch sinh thái nhưng không phổ biến rộng rãi và chưa đặc trưng cho khu vực cũng như không thể hiện thật đậm nét các tính chất của du lịch sinh thái theo đúng nghĩa của nó.

* *Lượng khách*

Với nhiều tiềm năng về tài nguyên du lịch về tự nhiên và văn hoá bản địa đã tạo sức hấp dẫn lớn cho khách du lịch sinh thái. Mặc dù loại hình du lịch sinh thái ở Việt Nam mới bước đầu phát triển nhưng đã đạt được những thành tựu đáng ghi nhận. Lượng khách du lịch đến có mức độ tăng trưởng liên tục trong những năm qua. Lượng khách du lịch quốc tế và nội địa đến khu vực này còn tăng trưởng trong những năm sắp đến.

Số liệu báo cáo của 14/30 vườn quốc gia và các khu bảo tồn thiên nhiên cho thấy: năm 2011 các khu bảo tồn và vườn quốc gia đã đón 728.000 lượt khách. Không chỉ mang lại lợi ích về kinh tế, phát triển du lịch sinh thái còn góp phần quan trọng vào bảo vệ môi trường và giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho người lao động [10, tr. 2]. Qua số liệu trên còn cho thấy nhu cầu hướng dẫn viên phục vụ du khách với số lượng không nhỏ (nếu ước tính bình quân 01 hướng dẫn viên/30 khách theo tiêu chuẩn áp dụng ở VQG Lò Gò-Xa Mát, Tây Ninh, 2016).

Tuy nhiên, theo các đánh giá của các nghiên cứu về DLST ở Việt Nam, sự phát triển DLST hiện còn chưa tương xứng với tiềm năng phong phú và đa dạng của tài nguyên DLST. Các hình thức hoạt động của loại hình du lịch này mới chỉ mang ý nghĩa tham quan, hưởng thụ môi trường thiên nhiên để tái tạo sức khỏe, ít đạt được ý nghĩa về nâng cao nhận thức, giáo dục để du khách có trách nhiệm đối với việc bảo tồn các giá trị của môi trường tự nhiên, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa bản địa, cũng như chưa mang lại những giá trị đích thực đối với lợi ích của cộng đồng.

* *Các cơ hội thuận lợi*

- Du lịch sinh thái là một trong hai hướng ưu tiên trong chiến lược phát triển du lịch Việt Nam hướng tới thế kỷ XXI. Vì vậy phát triển du lịch sinh thái ở Việt Nam sẽ nhận được sự ủng hộ của các nhà quản lý, các nhà khoa học, các doanh nghiệp, của chính quyền và cộng đồng địa phương.

- Du lịch sinh thái là hướng ưu tiên trong chiến lược phát triển du lịch vùng nhất là tiểu vùng sông Mêkông mở rộng với sự tham gia của 6 quốc gia là Vân Nam Trung Quốc, Myanma, Lào, Thái Lan, Campuchia và Việt Nam. Đây là cơ hội quan trọng để du lịch sinh thái tại đây phát triển trên cơ sở kế thừa những kinh nghiệm của các nước trong khu vực, sự ủng hộ của nhiều tổ chức quốc tế bằng trợ giúp kỹ thuật, chuyên gia và tài chính.

** Những thách thức cơ bản*

- Đang phải đối mặt với những vấn đề môi trường đặc biệt là vấn đề ô nhiễm nguồn nước, mất rừng tự nhiên, lũ lụt, khô hạn và xâm nhập mặn. Điều này ảnh hưởng trực tiếp đến sự tồn tại của nhiều hệ sinh thái có giá trị du lịch nói chung và du lịch sinh thái nói riêng của khu vực.

- Năng lực nghiên cứu, quản lý và nghiệp vụ, đặc biệt là đội ngũ hướng dẫn viên du lịch sinh thái còn hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển.

- Việc khai thác các tiềm năng đặc sắc về du lịch sinh thái của vùng còn mang tính tự phát, thiếu căn cứ quy hoạch có tính nguyên tắc đối với hoạt động du lịch sinh thái đặc biệt về khía cạnh bảo vệ môi trường tự nhiên và khuyến khích sự tham gia cộng đồng (thiếu sản phẩm du lịch sinh thái đích thực).

- Trình độ nhận thức về ý nghĩa và tầm quan trọng của du lịch sinh thái nhìn chung còn thấp vì vậy sự hỗ trợ từ các ngành, các cấp có sự tự nguyện tham gia của cộng đồng còn nhiều hạn chế.

2) Vai trò và thực trạng hướng dẫn viên DLST ở VQG, khu BTTN.

2.1. Sự cần thiết của hướng dẫn viên DLST.

Ngoài vai trò của một hướng dẫn viên du lịch nói chung với những chức năng [4, tr.4]: (1)Giới thiệu và chuyển tải các giá trị đặc sắc tại điểm đến cho khách du lịch; (2) Người bạn đồng hành hỗ trợ họ thụ hưởng những dịch vụ tốt nhất trong suốt quá trình tham quan cũng như khi nghỉ ngơi thư giãn; (3) Là người đem lại sự sôi nổi, mới mẻ cho khách du lịch bằng chính thái độ cử chỉ, lời nói và sự phục vụ tận tình; (4) Là người đại diện của doanh nghiệp thực hiện hợp đồng với khách du lịch; (5) Hỗ trợ doanh nghiệp cải thiện sản phẩm cũng như đưa ra các chiến lược quảng bá phù hợp để thu hút khách du lịch đến với đơn vị mình; (6) Là một “tiếp thị viên” của doanh nghiệp; (7) Một “đại sứ văn hóa” giới thiệu hình ảnh đất nước, con người của quốc gia mình đến với khách du lịch, nhất là khách du lịch quốc tế; (8) Là người bảo vệ an ninh quốc gia, an toàn xã hội, bảo vệ môi trường trên tuyến điểm du lịch, hướng dẫn viên DLST cần phải đáp ứng những điều kiện như: Bảo đảm các hoạt động diễn giải thiên nhiên và văn hoá bản địa của khu vực. Hướng dẫn viên DLST phải hiểu biết về khu vực, đặc biệt là tài nguyên thiên nhiên; Hiểu biết về du khách và đặc điểm của họ; Có khả năng truyền đạt kiến thức tới du khách; Có khả năng sử dụng ngôn ngữ của du khách; Trong một số trường hợp nào đó, có kiến thức về tâm lý nhằm đáp ứng được yêu cầu và ý muốn của mọi thành viên trong nhóm.

Một hướng dẫn viên DLST được gọi là thành công khi hoàn thiện các nhiệm vụ sau [7, tr150]:

- Thuyết minh rõ ràng, dễ hiểu về cái đẹp, cái hay, cái đặc thù của khu DLST mà hướng dẫn viên hướng dẫn du khách tham quan.

- Làm cho du khách nắm được logic, các đặc điểm điển hình của hệ sinh thái này. Cố gắng truyền đạt cho du khách cảm nhận được từ cái chưa hay khi mới nhìn qua trở thành cái hay khi đã được hướng dẫn. Muốn vậy, phải làm cho họ hiểu và đi đúng cảm thụ chủ quan của họ.

- Khơi dậy và kích thích hưng phấn cho khách DLST.

- Phổ biến nội quy của khu DLST hay của chuyến DLST mà mình sắp hướng dẫn trước khi khởi hành.

- Chuẩn bị tốt tinh thần và phương tiện khi có sự cố trong thời gian hướng dẫn. Như ta đã biết các khu hay chuyến đi DLST thường có sự cố như: thú dữ hoảng sợ khi bị chọc phá, sên, vắt hay ong tấn công, gặp mưa gió bất thường, sông suối có lũ, đất lầy,...

- Phải tìm hiểu kỹ đối tượng khách của mình là ai, loại nghỉ dưỡng hay nghiên cứu, hay trở về với thiên nhiên hay học tập... để có cách hướng dẫn phù hợp. Muốn cho khách thỏa mãn thì phải làm cho họ hiểu, cảm thụ. Mà muốn họ hiểu, người hướng dẫn viên DLST lại phải tìm hiểu kỹ đối tượng của mình.

- Phải chuẩn bị đủ tư liệu cần thiết về khu hay chuyến đi DLST sắp hướng dẫn. Đó là những tài liệu về đặc điểm sinh thái, môi trường đất, môi trường nước, không khí, khí hậu, đa dạng sinh học, tài nguyên sinh vật, dân cư và cuộc sống văn hóa của họ.

- Căn cứ vào sức chịu tải và tải lượng từng loại khách mà xác định số lượng khách trong một chuyến hướng dẫn cho phù hợp.

- Lên kế hoạch hướng dẫn khách: Nội dung và thời gian, thời lượng trong chương trình hướng dẫn.

- Viết bản thuyết minh tóm tắt, cách trình bày phù hợp với từng đối tượng khách.

- Có những khu DLST có phòng trưng bày tiêu bản thì hướng dẫn viên cần giới thiệu và trình diễn để khách cảm thụ trước khi ra thực địa. Ví dụ: trong khu DLST có loài chim thì nên giới thiệu tên chim, tập tính sinh học, biểu diễn tiếng hót khi có phản kích, tình yêu, chăm sóc con cái, giận dữ của con chim đó).

2.2. Thực trạng HDV DLST ở VQG, khu BTTN.

Tại các vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên, tổ chức hoạt động DLST tập trung ở Trung tâm Giáo dục và Dịch vụ môi trường rừng với chức năng tổ chức hoạt động du lịch sinh thái và giáo dục môi trường, kinh doanh một số dịch vụ khác theo quy chế hoạt động của Trung tâm. Các cán bộ chuyên môn tại của trung tâm này mới có thể giải thích cặn kẽ sinh thái về một loài động hay thực vật của khu vực điều mà các hướng dẫn viên du lịch từ các nơi khác đến không thể làm tốt được. Vì vậy, đã làm hạn chế đi tính thuyết phục, hiệu quả trong việc truyền tải kiến thức đến du khách trong bài thuyết minh đi rất nhiều, đây là một hạn chế không nhỏ đối với việc đào tạo hướng dẫn viên du lịch của nước ta hiện nay.

Theo Quy chế "Quản lý các hoạt động du lịch sinh thái tại các Vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên (Ban hành kèm theo Quyết định số 104/2007/QĐ-BNN, ngày

27/12/2007 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn): *Mỗi một Vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên có hoạt động du lịch sinh thái có trách nhiệm bố trí cán bộ chuyên trách, có kế hoạch đào tạo, phát triển nguồn nhân lực phục vụ du lịch sinh thái. Cán bộ được phân công làm công tác hướng dẫn viên, thuyết minh du lịch sinh thái có kiến thức về bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học, du lịch và văn hoá bản địa. Hướng dẫn viên du lịch phải có các tiêu chuẩn theo quy định của Luật Du lịch*".

Mục đích cần có hướng dẫn viên DLST (Fundeso, CAECI, CKL (2005)) [6,tr.70]

+ Chuẩn bị cho du khách hiểu biết trước về văn hoá, động thực vật và các hệ sinh thái ở địa phương, để du khách có những trải nghiệm tốt nhất.

+ Số lượng hướng dẫn viên phải phù hợp với mức độ nhạy cảm của môi trường tham quan (càng nhạy cảm càng cần nhiều HDV).

+ Cung cấp diễn giải có chất lượng tốt vào mọi lúc (đặc điểm của văn hóa địa phương, mô tả lịch sử tự nhiên của khu vực, tránh những điều phạm trong văn hoá khi có giao tiếp với cộng đồng địa phương).

+ Có sự giải thích, nhắc nhở ngắn gọn trên đường đi, điểm dừng, về những quy định về hành vi, những điều không được làm và những khu vực hạn chế đi vào; những cảnh báo về những loài nhạy cảm và bị đe dọa; khoảng cách cần duy trì giữa DK và động thực vật cũng như các quy định của khu vực tham quan.

- Giảm tác động của du khách lên môi trường tự nhiên.

+ Giải thích các quy định của địa phương.

+ Thu thập và truyền đạt những quy định hiện có đối với mỗi địa điểm tham quan.

+ Tiếp nhận những đề xuất trực tiếp của nhân viên KBTTN.

+ Khuyến du khách nên có hành vi đúng mực khi sử dụng đường mòn, cắm trại, khi ở trong môi trường hoang dã và gần các loài đang bị đe dọa...

+ Thông báo cho du khách biết về mức độ khó khăn khác nhau của mỗi chuyến đi nhằm tránh những thiệt hại có thể đối với môi trường.

+ Thông báo cho du khách biết những loài đang tồn tại nhưng cũng không bảo đảm rằng họ sẽ được nhìn thấy tất cả những loài này.

+ Cảnh báo rằng du khách không nên hái, vặt những cây con trong các khu vực tự nhiên để làm đồ lưu niệm.

+ Thuyết phục du khách không mua các sản phẩm thủ công làm từ nguyên liệu lấy từ những nguồn tài nguyên thiên nhiên đang bị đe dọa.

- Để giảm tác động của du lịch lên văn hoá địa phương.

+ Diễn giải giá trị của văn hoá địa phương và lịch sử của chúng.

+ Có danh sách những hướng dẫn dành cho khu vực tham quan. Khi có thể, thu thập và truyền bá những nguyên tắc do cộng đồng địa phương lập ra.

+ Cảnh báo về những nguy cơ du khách có thể gặp phải tại nơi nào đó.

+ Khuyến du khách phải chuẩn bị đón nhận những khác biệt về văn hoá và phải tạm hoà nhập với tập quán địa phương cũng như có hướng tiếp cận khéo léo.

+ Thông báo cách chụp ảnh hay quay phim thuận tiện nhất.

+ Thông báo cách tốt nhất có thể mua hàng hoá và dịch vụ cũng như đối phó với các tình huống có thể xảy ra.

- Hợp tác giám sát hoạt động du lịch

+ Ước tính số lượng và ý thức được tình trạng giới hạn của khu vực khi số lượng khách tham quan tăng lên.

+ Giám sát chặt chẽ những tác động tiêu cực tới môi trường, như xói mòn đường mòn, quản lý rác thải chưa triệt để, Ô nhiễm nước, gây tác hại cho động vật hoang dã hay những phản ứng nhút nhát hay hung dữ không bình thường của động vật để báo cho chính quyền.

+ Hợp tác với cán bộ quản lý khu vực để giám sát các loài chủ yếu, đặc trưng, hay chuẩn bị hậu cần cho các công trình nghiên cứu về tác động của du lịch.

+ Thiết kế các tuyến đi và những kế hoạch đặc biệt nhằm tránh quá tải cho những địa điểm được mọi người ưa thích, đặc biệt là những nơi chưa được quản lý đầy đủ.

+ Cảnh giác trước những tình huống khi các tác động văn hoá tích tụ lại và phải giải quyết nhằm loại bỏ những tác động này (làm phát giá cả đối với hàng hoá của cộng đồng, sự thù địch của cộng đồng đối với khách du lịch, chợ đen, buôn lậu, ma tuý và/hoặc mại dâm trong kinh doanh du lịch).

Thực tế, hướng dẫn viên ở các VQG, khu BTTN thường là các cán bộ kiêm nhiệm vừa làm công tác quản lý rừng vừa làm công tác hướng dẫn viên, thuyết minh viên với số lượng rất ít và không ổn định tùy theo yêu cầu của khách du lịch. Đa số có kiến thức về bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học, văn hoá bản địa nhưng thiếu các kiến thức về du lịch sinh thái, bảo vệ môi trường và các kỹ năng của hướng dẫn viên chuyên nghiệp theo các tiêu chuẩn được quy định tại Luật Du lịch 2005.

3. Thực trạng đào tạo hướng dẫn viên du lịch sinh thái .

Trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh có khá nhiều đơn vị (15) gồm các trường từ trung cấp đến đại học, tổ chức đào tạo các chuyên ngành hướng dẫn du lịch, hằng năm cung ứng ra các thị trường lao động trong cả nước nói chung và thành phố nói riêng với số lượng khá lớn. Tuy nhiên theo nhận định của các chủ doanh nghiệp, nhà tuyển dụng, hay đánh giá trực tiếp của khách du lịch thì nhóm tham gia trực tiếp trong hoạt động hướng dẫn du lịch chưa đáp ứng được nhu cầu của ngành [4, tr.4,10].

Khung đào tạo hướng dẫn viên du lịch ở các trường hầu hết tương tự như nhau với nội dung tổng thể cũng như ở các môn học, vì thế sinh viên sau khi tốt nghiệp chuyên ngành hướng dẫn là những hướng dẫn viên du lịch hướng dẫn chung cho tất cả các loại hình du lịch, không có chương trình đào tạo riêng biệt, chuyên sâu cho một loại hình du lịch. Chính vì lý do đó, hướng dẫn viên du lịch tại Việt Nam khi thuyết minh về từng chuyên đề cụ thể thì rất thiếu kiến thức, điển hình nhất là về kiến thức sinh thái khi thuyết minh về các tài nguyên du lịch sinh thái [10, tr.3].

Do đó, việc nghiên cứu để xây dựng những chương trình đào tạo hướng dẫn viên chuyên biệt là rất cần thiết trong đó có hướng dẫn chuyên về du lịch sinh thái. Từ bài học đào tạo hướng dẫn viên du lịch sinh thái ở Okinawa của Nhật Bản và những điều kiện thực tế của các cơ sở đào tạo hiện có về du lịch của Việt Nam, các cơ sở đào tạo có thể có đầy đủ năng lực thực hiện việc này bắt đầu từ xây dựng chương trình đào tạo HDVDLST mới hoặc bổ sung chứng chỉ nghiệp vụ hướng dẫn du lịch chuyên về du lịch sinh thái [12, tr.2].

3) Bài học từ đào tạo hướng dẫn viên du lịch sinh thái của Nhật Bản ở Okinawa

3.1. Nhật Bản – Sự coi trọng loại hình du lịch sinh thái trong phát triển du lịch

Trong một hai thập kỷ gần đây, Nhật Bản đã nổi lên như một trong những nước đi đầu trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, từ hệ thống luật pháp tới ý thức và hành động của người dân. Du lịch sinh thái tại Nhật Bản phát triển trong những năm gần đây và ngày càng định hình rõ là một trào lưu của khách du lịch. Du lịch sinh thái cũng đã trở thành một trong những hướng ưu tiên của chính phủ Nhật Bản, hướng tới mục tiêu phát triển bền vững. Trong các hoạt động đi du lịch, các hoạt động hướng tới thiên nhiên và du lịch sinh thái đang là một quan tâm lớn của khách du lịch Nhật Bản. Theo Luật Du lịch Sinh thái Nhật Bản, du lịch sinh thái là hoạt động du lịch trong đó du khách được hướng dẫn hay cung cấp những thông tin về tài nguyên du lịch tự nhiên, thường xuyên có những hoạt động tích cực hướng tới giao tiếp với tài nguyên du lịch tự nhiên trong quá trình đi du lịch; hoặc những hoạt động du lịch của du khách với

mục đích tìm hiểu những kiến thức về tài nguyên du lịch tự nhiên và bảo vệ các tài nguyên này. Theo Báo cáo về Xu hướng du lịch của khách du lịch Nhật Bản do Công ty Giao thông Nhật Bản thực hiện vào năm 2004, loại hình du lịch được khách du lịch Nhật Bản ưa thích nhất là du lịch tắm suối nước nóng (chiếm 57,9 % số người được hỏi). Xếp thứ 2 là du lịch hướng tới thiên nhiên (45,7%). Nhận thức về du lịch sinh thái của người dân cũng cải thiện rõ rệt trong những năm gần đây. Nhu cầu du lịch sinh thái của người Nhật bắt nguồn từ ý thức bảo vệ môi trường rất cao của người dân. Tiêu dùng các sản phẩm thân thiện với môi trường, trong đó có cả sản phẩm du lịch trở thành một phần trong giá trị sống. Người Nhật đã rất quen với ý thức phân loại rác sinh hoạt (có khi tới 4-5 chủng loại khác nhau), hạn chế xả rác và tự thu dọn rác của mình tại những nơi công cộng, những điểm du lịch. Họ cũng sẵn sàng trả giá cao hơn cho các sản phẩm có “giá trị môi trường cao”, được thiết kế và sản xuất theo hướng thân thiện với môi trường và nhận được các chứng chỉ môi trường. Điều này giải thích vì sao nhiều chuỗi khách sạn, nhà hàng của Nhật Bản tiên phong trong việc xây dựng vòng tròn khép kín từ thu thập rác thải hữu cơ, sản xuất phân vi sinh sử dụng để sản xuất rau sạch và dùng rau sạch này trong khách sạn[9,tr.15].

3.2. Mục tiêu và chương trình đào tạo hướng dẫn viên du lịch sinh thái ở Okinawa

Okinawa Okinawa là một tỉnh, đồng thời cũng là đảo lớn nhất quần đảo Lưu Cầu, nằm phía Nam của nước Nhật. Toàn đảo rộng 1.201,03 km², đứng thứ năm Nhật Bản về diện tích. Khí hậu cận nhiệt đới trên đảo giúp rừng mọc dày ở phía bắc; mùa mưa trên đảo diễn ra vào cuối xuân. Là tỉnh có điều kiện khí hậu, tài nguyên du lịch như hải sản, hoa quả, làng nghề truyền thống... tương đồng với huyện đảo Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang của Việt Nam nhưng diện tích lớn hơn gấp khoảng 2 lần. Okinawa là một trong những địa phương có mô hình phát triển du lịch sinh thái thành công nhất tại đất nước mặt trời mọc, tại Okinawa việc đào tạo hướng dẫn viên cho việc hướng dẫn các chương trình du lịch đại chúng (Mass Tourism) và đào tạo hướng dẫn viên chuyên về hướng dẫn cho loại hình du lịch sinh thái (Eco Tourism) được phân chia một cách riêng biệt. Ở Okinawa nói riêng và nước Nhật nói chung từ lâu đã sớm ban hành Luật Xúc tiến du lịch sinh thái và đào tạo hướng dẫn viên du lịch sinh thái. Sau đây là chương trình đào tạo hướng dẫn viên du lịch sinh thái ở Okinawa (Mục tiêu cần đạt được):

- Có thể hướng dẫn 09 địa điểm của di sản thế giới “cụm di chỉ Gusuku và di sản liên quan của Vương quốc Lưu Cầu” ở Okinawa: Thành Nakijin (huyện Nakijin), Thành Zakimi (huyện Yomitan), Thành Katsuren (huyện Katsuren), Thành Nakagusuku (huyện Nakagusuku, Kitanakagusuku), Thành Suri (thành phố Naha), Cổng đá Sonohyanutaki (thành phố Naha), Tamaudun (thành phố Naha), Shikinaen (thành phố Naha), Seifautaki (huyện Chinen).

- Có thể hướng dẫn 4 địa điểm đất ngập nước rừng ngập mặn ở đảo chính ở Okinawa: Rừng ngập mặn Gesashi (huyện Higashi), Rừng ngập mặn Omura (thành phố Nago), Rừng ngập mặn Okukubigawa (thành phố Kincho), Vùng rừng ngập mặn Suzaki (thành phố Gushikawa).

- Có thể hướng dẫn Manko, vùng đất ngập nước đăng kí công ước Mansar (thành phố Naha, thành phố Tomigusuku): Thủy cầm, Rừng ngập mặn, Rác biển, Nhiễm bẩn chất lượng nước.

- Những điều khác: Tự tìm chủ đề thuyết minh; Nhớ tên và giải thích của 10 loài thủy cầm; Nhớ tên và giải thích của 30 loài thực vật vùng nước, bao gồm rừng ngập mặn; Nhớ 20 loài sinh vật đáy như các loài sò; Có thể sử dụng máy tính hay máy ảnh; Có thể lập bài phát biểu hay tóm tắt; Có thể phát biểu, giải thích dựa vào tóm tắt, bài phát biểu[9, tr.25].

4. Đề xuất một số giải pháp nhằm đẩy mạnh việc đào tạo hướng dẫn viên DLST góp phần phát triển du lịch sinh thái ở các khu rừng đặc dụng Việt Nam.

a) Đối với cơ quan quản lý.

+ *Các bộ ngành liên quan*: Ban hành văn bản pháp qui về nguyên tắc hợp tác và trách nhiệm trong hoạt động DLST ở các KBTTN, quy định sự cần thiết phải có/biên chế và tiêu chuẩn của hướng dẫn viên du lịch ở VQG, KBTTN.

+ *Ban quản lý các VQG, KBTTN*: Chịu trách nhiệm chính trong quản lý hoạt động DLST ở các KBTTN, cần có kế hoạch đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng nghiệp vụ hướng dẫn viên du lịch sinh thái, biên chế số lượng hướng dẫn viên du lịch sinh thái phù hợp cho đơn vị có chức năng tổ chức, quản lý hoạt động DLST (Trung tâm Giáo dục và Dịch vụ môi trường rừng) theo Quy chế "Quản lý các hoạt động du lịch sinh thái tại các Vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên (Ban hành kèm theo Quyết định số 104/2007/QĐ-BNN, ngày 27/12/2007 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

+ Tranh thủ sự hỗ trợ của Các tổ chức phi chính phủ (WWF, IUCN, BIRDLIFE, JICA,...): Cung cấp thông tin và hỗ trợ kỹ thuật phát triển các dự án DLST, các chương trình đào tạo ngắn hạn về kiến thức và nghiệp vụ DLST cho hướng dẫn viên, thuyết minh viên hiện có ở các VQG, khu BTTN.

b) Đối với cơ sở đào tạo.

- Vận dụng kinh nghiệm Okinawa cho đào tạo nghiệp vụ hướng dẫn chuyên về du lịch sinh thái ở Việt Nam.

- Trên nền tảng quy định của Tổng cục du lịch về khung chương trình của các lớp đào tạo chứng chỉ nghiệp vụ hướng dẫn du lịch, đề xuất *chương trình đào tạo chứng chỉ nghiệp vụ chuyên về hướng dẫn du lịch sinh thái* với mục tiêu, đối tượng và thời gian đào tạo cụ thể như sau:

Mục tiêu đào tạo:

- Trang bị cho học viên khối kiến thức cơ bản về địa lý, sinh thái, lịch sử, văn hóa, kinh tế - xã hội. Rèn luyện các kỹ năng hướng dẫn du lịch du lịch sinh thái cho học viên tác nghiệp tại các khu bảo tồn, rừng quốc gia, khu du lịch sinh thái, các chương trình du lịch sinh thái, du lịch hướng về thiên nhiên trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam.

- Trang bị cho học viên những kiến thức, nghiệp vụ cơ bản và chuyên biệt về du lịch, du lịch sinh thái.

- Bổ sung điều kiện về chứng chỉ cho học viên để được cấp thẻ hành nghề hướng dẫn du lịch.

- Thỏa mãn các quy định về công tác hướng dẫn viên du lịch với loại hình du lịch sinh thái.

Đối tượng đào tạo:

- Người có bằng cử nhân các ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành; ngành Việt Nam học; ngành Quản trị du lịch và khách sạn, nhà hàng; ngành Văn hoá du lịch nhưng không phải là chuyên ngành Hướng dẫn du lịch, đang cần bổ sung điều kiện để được cấp thẻ hướng dẫn du lịch theo quy định của Nghị định 27/CP và Thông tư 04/TT-TCDL.

- Người học đã đáp ứng được điều kiện trên nhưng bắt buộc phải có chứng chỉ hướng dẫn du lịch sinh thái tại các vườn quốc gia, khu bảo tồn, khu du lịch sinh thái theo quy định của các cơ quan quản lý và các đơn vị kinh doanh loại hình du lịch sinh thái.

Loại văn bằng được cấp:

Chứng chỉ nghiệp vụ hướng dẫn du lịch chuyên du lịch sinh thái

Khung chương trình đào tạo:

(a) Khối lượng kiến thức và thời gian đào tạo: 135 tiết (45 tiết Kiến thức cơ sở; 90 tiết Kiến thức ngành và nghiệp vụ; (b) Thực tập cuối khóa: 86 tiết (tương đương 2 tuần).

Cấu trúc chương trình:

+ Kiến thức cơ sở: Địa lý Việt Nam và tình hình kinh tế xã hội Việt Nam, Lịch sử và Văn hóa Việt Nam, Hệ thống chính trị và các văn bản pháp luật liên quan đến du lịch.

+ Kiến thức ngành và nghiệp vụ: Du lịch sinh thái, Tuyển điểm du lịch sinh thái Việt Nam, Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch sinh thái, Thực hành hướng dẫn du lịch sinh thái.

+Thực tập cuối khóa: Thực tập hướng dẫn du lịch sinh thái tại một điểm DLST cụ thể.

- Hoàn thiện chương trình ngành du lịch theo hướng ứng dụng, quốc tế hóa theo định hướng chuẩn quốc gia và khu vực, áp dụng khung trình độ quốc gia về đào tạo du lịch cũng như tham khảo MRA-TP để cho ra đời chương trình đào tạo ngành du lịch hoàn thiện nhất.

- Phối hợp với các đơn vị chức năng trong trường làm công tác tuyển sinh và đào tạo lớp chứng chỉ nghiệp vụ hướng dẫn du lịch chuyên du lịch sinh thái nhằm đáp ứng nhu cầu của các cá nhân (hướng dẫn viên du lịch hoặc các nhà quản lý) và doanh nghiệp du lịch.

- Hoàn thiện chương trình đào tạo hướng dẫn viên du lịch, mời chuyên gia hỗ trợ đội ngũ giảng viên tiếp cận sâu vào các mô hình tiên bộ về du lịch sinh thái và công tác hướng dẫn du lịch sinh thái nhằm có đội ngũ giảng dạy bám sát thực tế và yêu cầu của người học cũng như cập nhật những thay đổi từ phía khách du lịch sinh thái.

- Mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế trong việc đào tạo, phát triển nguồn nhân lực thông qua hợp tác đào tạo, nghiên cứu học tập trao đổi kinh nghiệm và phối hợp hiệu quả với các dự án đào tạo của nước ngoài, các tổ chức quốc tế như WWF, IUCN, JICA, ... về đào tạo DLST. Song song đó cần thành lập các câu lạc bộ hướng dẫn viên DLST để tạo cơ hội không chỉ cho sinh viên, hướng dẫn viên DLST có thể tham gia trao đổi, học hỏi kinh nghiệm lẫn nhau nhằm nâng cao sự hiểu biết kiến thức và kỹ năng của ngành nghề.

c) Đối với các doanh nghiệp du lịch (Các công ty du lịch, các hãng lữ hành,...).

- Tăng cường quan hệ, hợp tác với các VQG, khu BTTN để phát triển các sản phẩm DLST đặc thù, liên kết xây dựng các tour du lịch sinh thái, cung cấp các dịch vụ hướng dẫn viên DLST.

- Thành lập bộ phận hướng dẫn viên DLST chuyên nghiệp cung cấp những tour trọn gói cho khách DLST trong và ngoài nước, qua đó công ty sẽ có cơ hội quảng bá hoạt động của mình thông qua đàm phán với du khách.

KẾT LUẬN

Cùng với sự nỗ lực của Nhà nước nhằm đẩy mạnh các hoạt động DLST với mục tiêu hàng đầu là bảo tồn và phát triển cộng đồng, việc phát triển nguồn nhân lực du lịch nói chung, đào tạo HDVDLST nói riêng *trong hệ thống rừng đặc dụng* vừa có tính cấp bách, vừa mang ý nghĩa chiến lược. Tuy nhiên, để có một chương trình đào tạo HDDLST đảm bảo chất lượng cần phải có mô hình định hướng đào tạo theo hướng ứng dụng phù hợp, chú ý đến đào tạo lý thuyết gắn liền tính đặc thù, chú trọng phát triển kỹ năng và thực hành đặt trong chiến lược phát triển dài hạn.

Qua việc tổng quan hiện trạng phát triển du lịch sinh thái ở các VQG, khu BTTN, các cơ hội và thách thức, vai trò và thực trạng hướng dẫn viên DLST ở VQG, khu BTTN, thực trạng đào tạo hướng dẫn viên du lịch ở các trường và tham khảo bài học từ đào tạo hướng dẫn viên du lịch sinh thái của Nhật Bản ở Okinawa, nhóm tác giả mạnh dạn đề xuất một số giải pháp nhằm góp phần đẩy mạnh việc đào tạo hướng dẫn viên DLST góp phần phát triển du lịch sinh thái ở các khu rừng đặc dụng Việt Nam.